TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2026/DS-ST
Ngày: 14/7/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quốc Việt

2/ Ông Đoàn Quốc Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần () Việt Nam T (V).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm, theo Văn bản ủy quyền số 136-2025-UQN-CTQT ngày 24/04/2025.

Đại diện theo ủy quyền:

1.1/- Phan Thanh H, sinh năm 1997

Căn cước công dân: 089097016913, cấp ngày 22/11/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

(Có mặt tại phiên tòa)

1.2/- Lê Bằng P

Căn cước công dân: 094093005078, cấp ngày 04/12/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

(vắng mặt tại phiên tòa)

1.3/- Nguyễn Hòa H1, sinh năm 1999

Căn cước công dân: 093099000342, cấp ngày 25/8/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Cùng địa chỉ: Tầng C số C đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

(vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Trịnh Quốc H2 – sinh năm 2002

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Phan Thanh H trình bày: Ông Trịnh Quốc H2 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 theo các hợp đồng vay sau: Hợp đồng cho vay số LN2406072856052 ký ngày 21/06/2024 ông Trịnh Quốc H2 vay số tiền là 430.000.000 đồng. Mục đích vay là mua xe. Thời hạn vay 96 tháng (Từ ngày 12/09/2024 đến ngày 12/09/2032). Lãi suất giải ngân: 7,4%/năm; Cơ chế điều chỉnh lãi suất được nêu rõ trong hợp đồng cho vay số LN2406072856052 ký ngày 21/06/2024. Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông Trịnh Quốc H2 và Ngân hàng TMCP V1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: LN2406072856052 ký ngày 21/06/2024.

Tài sản bảo đảm cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, X, 1.5L, biển số: 95G-002.51 số khung RLAILNNCIP1001388, số máy 4A91KBY0188 do ông Trịnh Quốc H3 đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã thanh toán tính đến 08/06/2026 là 151.500.355 đồng (Trong đó nợ gốc: 85.120.000 đồng, nợ lãi 66.380.355 đồng). Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại V.

Ngoài ra, ông Trịnh Quốc H2 có ký kết với Ngân hàng giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng "gọi tắt là hợp đồng số LD2513302092" ký ngày 13/05/2025 với số tiền 26.000.000 đồng, Lãi suất theo thỏa thuận từng thời kỳ.

Từ khi khách hàng quá hạn thì đại diện Ngân hàng đã liên hệ để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng nhưng bị đơn vẫn không thực

hiện nghĩa vụ thanh toán đến nay 02 khoản vay đã quá hạn và Ông Trịnh Quốc H2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 24/06/2026 tổng số tiền là 389.680.536 đồng (Trong đó nợ gốc 366.303.723 đồng, nợ lãi 23.376.813 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 24/06/2026 trở đi Ông Trịnh Quốc H2 còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

Trường hợp Ông Trịnh Quốc H2 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của Ông Trịnh Quốc H2 để thu hồi toàn bộ nợ vay theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông Trịnh Quốc H2 trả nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng "gọi tắt là hợp đồng số LD2513302092" ký ngày 13/05/2025 với số tiền 26.000.000 đồng, Lãi suất theo thỏa thuận từng thời kỳ.

Nguyên đơn yêu cầu ông Trịnh Quốc H2 trả khoản tiền gốc theo hợp đồng số LN2406072856052 là 344.878.000 và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 14/7/2026 là 28.063.330 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2026 theo hợp đồng số LN2406072856052 ngày 21/6/2024 cho đến khi ông H2 trả hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Trịnh Quốc H2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Quốc H2 thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2406072856052 ký ngày 21/6/2024 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LD2513302092 ký ngày 13/5/2025. Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trịnh Quốc H2 có nơi cư trú tại Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Quốc H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2406072856052 Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 21/6/2024, Ngân hàng TMCP V1 và ông Trịnh Quốc H2 ký Hợp đồng cho vay số LN2406072856052, theo đó Ngân hàng giải ngân cho ông H2 số tiền 430.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất ban đầu 7,4%/năm và được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bên đã ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số LN2406072856052 ngày 21/6/2024, tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander MT 1.5L, biển số 95G-002.51, số khung RLAILNNCIP1001388, số máy 4A91KBY0188 do ông Trịnh Quốc H2 đứng tên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H2 đã thanh toán được một phần nghĩa vụ nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, để khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thanh toán nhưng ông H2 không thực hiện. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán: Nợ gốc: 344.878.000 đồng; Nợ lãi tính đến hết ngày 14/7/2026: 28.063.330 đồng. Tổng cộng là 372.941.330 đồng. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật, các bên đều có năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trịnh

Quốc H2 thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2406072856052, đây là nội dung các bên đã cam kết, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LD2513302092 ký ngày 13/5/2025.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số LN2406072856052 ngày 21/6/2024, tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander MT 1.5L, biển số 95G-002.51 thuộc quyền sở hữu của ông Trịnh Quốc H2.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nếu ông Trịnh Quốc H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Trịnh Quốc H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán là 372.941.330 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được xác định: 372.941.330 đồng × 5% = 18.647.066 đồng.

Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 217, Điều 218, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều Luật 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1.

Buộc ông Trịnh Quốc H2 thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 số tiền nợ gốc là 344.878.000 đồng; Nợ lãi tính đến hết ngày 14/7/2026 là 28.063.330 đồng. Tổng cộng: 372.941.330 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày 15/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Trịnh Quốc H2 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2406072856052 ngày 21/6/2024.

2. Trường hợp ông Trịnh Quốc H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số LN2406072856052 ngày 21/6/2024, là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander MT 1.5L, biển số 95G-002.51, số khung RLAILNNCIP1001388, số máy 4A91KBY0188, thuộc quyền sở hữu của ông Trịnh Quốc H2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 về việc yêu cầu ông Trịnh Quốc H2 thanh toán khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LD2513302092 ngày 13/5/2025.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Quốc H2 phải chịu 18.647.066 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.768.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007610 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đua